

## Thương vợ

### A. Nội dung tác phẩm

*Quanh năm buôn bán ở mom sông,*

*Nuôi đủ năm con với một chồng.*

*Lặn lội thân cò khi quãng vắng,*

*Eo sèo mặt nước buổi đò đông.*

*Một duyên hai nợ âu đành phận,*

*Năm nắng mười mưa dám quản công.*

*Cha mẹ thói đời ăn ở bạc,*

*Có chồng hờ hững cũng như không.*

### B. Tìm hiểu tác phẩm

#### 1. Tác giả

- Trần Tế Xương (1870 – 1907) thường gọi là Tú Xương.
- Quê quán: làng Vị Xuyên, huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định (nay thuộc phường Vị Hoàng, thành phố Nam Định).
- Cuộc đời ngắn ngủi, nhiều gian truân:
  - + Cuộc đời ông chỉ gắn liền với thi cử, tính ra có tất cả tám lần. Đó là các khoa: *Bính Tuất (1886)*; *Mậu Tý (1888)*; *Tân Mão (1891)*; *Giáp Ngọ (1894)*; *Đinh Dậu (1897)*; *Canh Tý (1900)*; *Quý Mão (1903)* và *Bính Ngọ (1906)*.
  - + Sau 3 lần hỏng thi mãi đến lần thứ tư khoa Giáp Ngọ (1894) ông mới đậu tú tài, nhưng cũng chỉ là tú tài thiên thủ (lấy thêm).
  - + Sau đó không sao lên nổi cử nhân, mặc dù đã khá kiên trì theo đuổi. Khoa Quý Mão (1903) Trần Tế Xương đổi tên thành Trần Cao Xương tưởng rằng bớt đen đui, nhưng rồi hỏng vẫn hoàn hỏng.

- Ông có khoảng trên 100 bài, chủ yếu là thơ Nôm, gồm nhiều thể thơ (thất ngôn bát cú, thất ngôn tứ tuyệt, lục bát) và một số bài văn tế, phú, câu đối,...
- Một số tác phẩm như: *Vịnh khoa thi Hương, Giấu người thi đỗ, Ông cò, Phò ường nhớ, Thương vợ, Văn tế sống vợ*,...
- Thơ của Tế Xương có sự kết hợp hài hòa giữa các yếu tố hiện thực, trào phúng và trữ tình trong đó trữ tình là gốc.
- Bức tranh hiện thực trong thơ Tế Xương là một bức tranh xám xịt, dường như chỉ có rác rưởi, đau buồn, vì hiện thực thối nát của xã hội thực dân – nửa phong kiến.
- Với giọng văn châm biếm sâu cay, thơ văn của ông đã đã kích bọn thực dân phong kiến, bọn quan lại làm tay sai cho giặc, bọn bán rẻ lương tâm chạy theo tiền bạc, bọn rơm đòi lỗ lã trong buổi giao thời.

## 2. Tác phẩm

### a. Đề tài

- Thơ xưa viết về người vợ đã ít, mà viết về người vợ khi đang còn sống càng hiếm hoi hơn. Thơ Trần Tế Xương lại khác. Trong sáng tác của ông, có hẳn một đề tài về bà Tú bao gồm cả thơ, văn tế, câu đối.
- Bà Tú từng chịu nhiều vất vả gia truân trong cuộc đời, nhưng bà lại có niềm hạnh phúc là ngay lúc còn sống đã được đi vào thơ ông Tú với tất cả niềm thương yêu, trân trọng của chồng.
- Thương vợ là một trong những bài thơ hay và cảm động nhất của Tế Xương viết về bà Tú.

### b. Thể loại: Thất ngôn bát cú Đường luật.

### c. Phương thức biểu đạt: Biểu cảm.

### d. Ý nghĩa nhan đề:

- Nhan đề thể hiện một đề tài mới lạ, khác thường trong thơ trung đại, thể hiện sự sâu sắc trong tình cảm của Tú Xương đối với vợ cũng như thể hiện được đầy đủ vẻ đẹp nhân bản của hồn thơ Tú Xương.

e. Bố cục

- Cách 1: Đề, thực, luận, kết.

- Cách 2:

+ Phần 1 (Sáu câu thơ đầu): Hình ảnh của bà Tú.

+ Phần 2 (Hai câu thơ cuối): Nỗi lòng của tác giả.

f. Giá trị nội dung: **Thương vợ** là bài thơ cảm động nhất trong những bài thơ trữ tình của Tú Xương. Nó là một bài thơ tâm sự, đồng thời cũng là một bài thơ thể sự. Bài thơ chứa chan tình thương yêu nồng hậu của nhà thơ đối với người vợ hiền thảo.

g. Giá trị nghệ thuật

- Ngôn ngữ thơ bình dị như lời ăn tiếng nói thường ngày.

- Các chi tiết nghệ thuật chọn lọc vừa cá thể (bà Tú với **năm con, một chồng**) vừa khái quát sâu sắc (người phụ nữ ngày xưa).

- Hình tượng thơ hàm súc, gợi cảm.

⇒ Bài thơ tiêu biểu cho thơ trữ tình của Tế Xương.

## C. Đọc hiểu tác phẩm

### 1. Hai câu đề

***Quanh năm buôn bán ở mom sông***

***Nuôi đủ năm con với một chồng.***

- Câu thơ đầu nói lên hoàn cảnh buôn bán làm ăn của bà Tú – một hoàn cảnh vất vả, lam lũ được gợi lên qua cách nêu thời điểm, cách nói thời gian.

- **Quanh năm**: Suốt cả năm chứ không trừ ngày nào cả, dù mưa hay nắng, vẫn cứ tiếp tục ngày qua ngày, tháng qua tháng, năm qua năm như vậy.

- **mom sông**: Phần đất bờ sông nhô ra phía lòng sông gợi sự gian nan, chênh vênh, nguy hiểm của công việc cũng như thân phận người phụ nữ.

- **nuôi đủ**: Thể hiện sự chịu thương chịu khó của bà Tú. Bởi bà phải vất vả cực nhọc, làm lưng gánh vác, tát bạc ngược xuôi chỉ để nuôi đủ **năm con với một chồng**.

- Cụm từ **năm con với một chồng** không chỉ nói đến sự vất vả, tần tảo của bà Tú mà còn thể hiện phần nào nỗi niềm riêng, sự tự ý thức của nhà thơ.

⇒ Hai câu thơ gợi nên sự vất vả, gian truân của bà Tú, trong sự xót xa, ngậm ngùi của chính tác giả.

## 2. Hai câu thực

*Lặn lội thân cò khi quãng vắng*

*Eo sèo mặt nước buổi đò đông.*

- Tác giả mượn hình ảnh **con cò** trong ca dao để nói về bà Tú. Nhưng con cò trong bài thơ không chỉ xuất hiện giữa cái rợn ngợp của không gian mà còn trong cái rợn ngợp của thời gian.

- Cụm từ **khi quãng vắng** đã nói lên được cả thời gian, không gian heo hút, rợn ngợp chứa đầy lo âu, nguy hiểm.

- Đảo ngữ đưa cụm từ **lặn lội** lên đầu câu nhấn mạnh nỗi vất vả gian truân của bà Tú đồng thời gợi nỗi đau thân phận.

- Sự vất vả mưu sinh của bà Tú được tái hiện trong câu thơ **Eo sèo mặt nước buổi đò đông** – câu thơ gợi tả cảnh chen chúc, bươn chải trên sông nước của những người buôn bán nhỏ.

⇒ Hai câu thơ gợi tả cụ thể hơn cuộc sống tần tảo, vất vả, gian nan, buôn bán ngược xuôi của bà Tú đồng thời cũng nói lên tấm lòng xót thương da diết của ông Tú.

## 3. Hai câu luận

*Một duyên hai nợ âu đành phận*

*Năm nắng mười mưa dám quản công.*

- Tú Xương một lần nữa cảm phục sự quên mình của vợ bởi **duyên** một mà **nợ** hai nhưng bà Tú không một lời phàn nàn, lặng lẽ chấp nhận sự vất vả vì chồng vì con.

- Thành ngữ **năm nắng mười mưa** được vận dụng sáng tạo: **nắng**, **mưa** chỉ sự vất vả, còn **năm**, **mười** là số lượng thêm chỉ nói số nhiều.

→ Được tách ra tạo thành một thành ngữ chéo vừa nói lên sự vất vả và gian truân, vừa thể hiện đức tính chịu thương chịu khó, hết lòng vì chồng vì con của bà Tú.

- Đức hi sinh của bà Tú được khắc đậm qua hai cụm từ **âu đành phận**, **dám quần công**. Dù cho phận mỏng duyên ôi, bà Tú vẫn chấp nhận, cam chịu, không lời oán thán.

⇒ Hai câu thơ cho ta thấy đức tính cao đẹp của bà Tú cả nỗi lòng và sự tinh tế của một người vợ.

#### 4. Hai câu kết

*Cha mẹ thói đời ăn ở bạc*

*Có chồng hờ hững cũng như không*

- Lời chửi trong hai câu thơ kết mang ý nghĩa xã hội sâu sắc: thói đời bạc bẽo là nguyên nhân sâu xa khiến bà Tú phải khổ.

- "**Thói đời**", Tú Xương đã nguyên rủa cái nếp xấu chung của người đời, của xã hội. Xã hội xưa trọng nam khinh nữ, coi người phụ nữ là thân phận phụ thuộc, nhưng Tú Xương dám song phẳng với bản thân với cuộc đời, dám tự nhận khiếm khuyết và tự phê phán mình một cách nghiêm ngặt.

→ Đó cũng chính là biểu hiện của một nhân cách cao đẹp, một tấm chân tình chân thật mà ông dành cho vợ.

- Sự **hờ hững** của ông đối với vợ con cũng là một biểu hiện của **thói đời**.

→ Tú Xương tự rửa mặt mình và cũng là tự phán xét, tự lên án bản thân mình.

⇒ Hai câu thơ đã khái quát nỗi lòng thương vợ của ông Tú.

#### D. Sơ đồ tư duy

